**THÔNG TIN DỰ ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Project acronym** | HỆ THỐNG ĐẶT VÉ XEM PHIM GALAXY | | |
| **Project Title** | HỆ THỐNG ĐẶT VÉ XEM PHIM GALAXY | | |
| **Start Date** | 01/11/2025 | **End Date** | **16/11/2025** |
| **Lead Institution** |  | | |
| **Project Mentor** | NGUYỄN TẤN THUẬN | | |
| **Partner Organization** |  | | |
| **Project Web URL** |  | | |
| **Contact details** | Name | Email | Tel |
| **Scrum Master/ Project Leader** | Nguyễn Thị Hoài Linh  Ngô Trần Khánh Phương | [hoanglinh09042004@gmail.com](mailto:hoanglinh09042004@gmail.com) | 0704651959 |
| **Team members** | Trịnh Duy Huy |  | 0862187105 |
| Nguyễn Phúc Thuần | [thuanphuc12b9@gmail.com](mailto:thuanphuc12b9@gmail.com) | 0327906061 |
|  |  |  |

**REVISION HISTORY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Version** | **Date** | **Comments** | **Author** | **Approval** |
| 1.0 | March 27, 2023 | Initial Release | All members | x |
| 1.1 | April 10, 2023 | Update content and format | All members | x |
|  |  |  |  |  |

**QUẢN LÝ RỦI RO**

Trong quá trình xây dựng và triển khai hệ thống đặt vé xem phim Galaxy, việc phát sinh các rủi ro là điều không thể tránh khỏi. Rủi ro được hiểu là những sự kiện hoặc tình huống chưa xảy ra tại thời điểm khởi động dự án nhưng có khả năng phát sinh trong suốt vòng đời phát triển và vận hành hệ thống, từ đó có thể tác động đến việc đạt được các mục tiêu đề ra của dự án, theo cả hướng tích cực lẫn tiêu cực.

Quản lý rủi ro là một hoạt động quan trọng, bao gồm các bước: nhận diện, phân tích, đánh giá, lập kế hoạch ứng phó và giám sát rủi ro. Thông qua việc quản lý rủi ro một cách có hệ thống, dự án có thể chủ động phòng ngừa, giảm thiểu những tác động bất lợi, đồng thời tận dụng các cơ hội tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả và khả năng thành công của dự án.

Các tiến trình của quan lý rủi ro:

* + - * + Lập kế hoạch quan lý rủi ro
        + Nhận biết rủi ro
        + Phân tích tính chất rủi ro
        + Phân tích mức độ rủi ro
        + Lập kế hoạch để đối phó rủi ro
        + Giám sát và kiểm soát rủi ro
    1. **Xác định về rủi ro**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực xay ra rủi ro** | **Các rủi ro có thể** |
| 1 | Kế hoạch dự án | * Lên kế hoạch chưa đầy đủ. * Lịch trình thiếu thực tế * Thay đổi phạm vi dự án đột ngột * Chậm tiến độ bàn giao |
| 2 | Xác định yêu cầu | * Yêu cầu người dùng không rõ ràng. * Thay đổi yêu cầu nhiều lần. * Mâu thuẫn giữa các yêu cầu. |
| 3 | Ngân sách | * Thiếu kinh phí. * Chậm cấp vốn. * Chi phí phát sinh ngoài dự kiến. |
| 4 | Kỹ thuật, Chất lượng | * Công nghệ thanh toán trực tuyến gặp lỗi. * Hệ thống QR không hoạt động ổn định. * Tích hợp ngân hàng gặp trục trặc. |
| 5 | Nhân lực | * Thành viên thiếu kinh nghiệm. * Nghỉ giữa chừng. * Phân công công việc không hợp lý. |
| 6 | |  | | --- | | Triển khai hệ thống | | * Hệ thống không tương thích với thiết bị người dùng. * Lỗi khi triển khai thực tế tại rạp. |
| 7 | Bảo mật | * Rò rỉ thông tin người dùng. * Mất dữ liệu giao dịch. * Lỗi xác thực tài khoản |

* + 1. **Phân tích rủi ro**

Phân tích rủi ro để tìm ra kế hoạch giai quyết hoăc làm giam thiểu rủi ro không mong muốn.

* + - Thanh đánh giá tác động của rủi ro lên dự án

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tác động đến | Mức độ tác động và giá trị | | |  |
| Thấp | Trung bình | Cao | Rất cao |
| Giá trị | 1 | 2 | 6 | >6 |
| Chi phí | Không có tác động rõ rệt. | Mức tăng do tác động của rủi ro 10% | Mức tăng do tác động của rủi ro 10% - 20% | Mức tăng do tác động của rủi ro >20% |
|  |
| Chất lượng | Một số ít chức năng. | San phẩm bị trì trệ. | Sản phẩm không hoạt động. |

* + - :Thanh đánh giá mức độ rủi ro dựa trên tiêu chí xác suất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đánh giá định tính | Đánh giá định lượng | Mô tả |
| Rất cao | > 80% | Dự án có nguy cơ thất bại |
| Cao | 60% - 80% | Ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ hoặc chất lượng |
| Trung bình | 30 - 60% | Ảnh hưởng nhẹ đến tiến độ hoặc chi phí |
| Thấp | 10 - 30% | Ít ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ và chất lượng |

1. **Đánh giá rủi ro**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã | Rủi ro | Thời điềm xảy ra | Xác suất | Ảnh hưởng | Mức độ nghiêm trọng | Xếp hạng |
| R01 | - Lên kế hoạch không đầy đủ. | Ngay lập tức | TB | Cao | Cao | 5 |
| R02 | - Thay đổi yêu cầu liên tục. | Trong quá trình phát triển | Cao | Cao | Rất Cao | 2 |
| R03 | - Lỗi thanh toán trực tuyến | Khi vận hành | Trung bình | Rất Cao | Rất Cao | 1 |
| R04 | - Lỗi tạo mã QR vé | Khi sử dụng thực tế | Thấp | Cao | Trung bình | 7 |
| R05 | - Thiếu nhân lực có kinh nghiệm | Giai đoạn phát triển | Trung bình | Trung bình | Trung bình | 9 |

1. **Lập kế hoạch trong quản lý rủ ro dự án**

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.Việc lập kế hoạch trong quan lý rủi ro dự án là một điều rất quan trọng sẽ liên quan đến mức độ thành công của công việc. Để lập kế hoạch cho dự án cần dựa theo sơ đồ dòng dữ liệu sau:

1. **Thực hiện với 5 rủi ro hàng đầu và hướng giải quyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã | Công việc cần làm | PP khắc phục | Thời gian | Dự phòng |
| MS05 | -Đề nghị với khách hàng về việc có thể gia hạn thời gian bàn giao phần mềm. - Đề nghị nhà tài trợ hỗ trợ thêm chi phí để thuê nhân viên làm thêm giờ để đẩy nhanh tiến độ. - Đẩy nhanh tốc độ làm việc của nhân viên, chấp nhận làm ngoài giờ. - Thường xuyên báo cáo tiến độ công việc. | Né  tránh | Ngay từ khi mới thực hiện dự án | -Luôn có các kế hoạch cho nhân viên làm them giờ, tăng lương cho nhân viên.   * Mua bao hiểm để chia sẻ chi phí khi dự án xay ra rủi ro. * Thiết lập và quan lý thời gian chi tiết cho từng phase chăt hơn. |
| MS03 | - Thực hiện các cuộc họp giữa các nhóm thiết kế, phát triển để tìm ra các đoạn yêu cầu phức tạp, từ đó lên kế hoạch tìm kiếm các chuyên gia về lĩnh vực đó.- Tập trung các nhân viên khá, gioi để phối hợp cung | Né  tránh hoăc giam nhẹ. | Ngay từ khi mới phát hiện. | - Tham khao ý kiến chuyên gia khi mới phát hiện.- Xây dựng quỹ dự phòng nhằm bu lỗ cho dự án.Lược bo hoăc giam bớt khó khan tới mức có thể. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | chuyên gia xử lý các đoạn yêu cầu phức tạp đó.   * Lập lại kế hoạch phân bổ nhân sự khi có các trường hợp phức tạp xay ra. * Thương lượng với khách hàng, nếu yêu cầu đó quá phức tạp nhằm thay đổi hoăc loại bo bớt các yêu cầu, phân tích rõ cho khách hàng hiểu rõ về chi phí và các lợi ích. |  |  |  |
| MS08 | * Tư vấn cho khách hàng những yêu cầu cần thiết và chi phí của dự án nếu thay đổi, giam nhẹ khó khăn. * Cử thêm người đi lấy yêu cầu và xác định rõ cái khách hàng cần, không phai cái khách hàng muốn. * Tạo mọi điều kiện để có thể lấy yêu cầu có demo cho khách hàng hình dung. | Giam  thiểu | Ngay đầu dự án. | -Nhờ chuyên gia phân tích và trợ giúp.  - Họp bàn và đưa ra quyết định thay thế tối ưu nếu phát hiện lỗi quá muộn. |
| MS10 | -Lập ban kế hoạch báo cáo | Giam | Vào | -Có thể có quỹ dự |
|  | chi tiết chi phí và thời gian cần thiết chính xác nhất.   * Liên tục cập nhật và báo cáo tiến độ dự án theo định kì tuần, tháng, phase,… * Đề nghị với nhà tài trợ lưu ý với các rủi ro có thể xay ra khi chậm trê. * Có thể tìm thêm nhà đầu tư, tài trợ cho dự án. | nhẹ, né tránh, thiết lập bao trợ | giữa dự án, khi vấn đề diên biến theo chiều hướng xấu | phòng cho dự án ngay từ ban đầu.   * Tham khao ý kiến chuyên gia tài chính về chi phí thu chi. * Tìm hiểu nguyên nhân và cách giai quyết nhanh nhất. |
| MS14 | -Tạo mối quan hệ, thúc đẩy hợp tác chăt chẽ giữa các bên liên quan.  - Lập kế hoạch khắc phục, tìm nguyên nhân và liên kết chăt chẽ với bên ổn định nhất, tốt nhất. | Giam  thiểu | Ngay khi mới bắt đầu dự án. | -Kí kết hợp đồng đam bao cho dự án.  - Tìm kiếm chuyên gia và xem xét, tham khao các dự án trước đó của bên đầu tư. |

1. **Kiểm soát rủi ro**

Kiểm soát rủi ro bắt đầu với việc chọn lựa chiến lược và phương pháp đối phó rủi ro. Có nhiều chiến lược và phương pháp đối phó khác nhau, tuy theo tình huống dự án, môi trường và đăc thu của từng rủi ro. Trong thực tế, các chiến lược phổ biến nhất bao gồm trong hình dưới đây:

A diagram of a multicolored rectangular structure

AI-generated content may be incorrect.

* **Tránh né**

Dung “đường đi khác” để né tránh rủi ro, đường đi mới có thể không có rủi ro, có rủi ro nhẹ hơn, hoăc chi phí đối phó rủi ro thấp hơn. Chẳng hạn:

+ Thay đổi phương pháp, công cụ thực hiện, thay đổi con người

+ Thương lượng với khách hàng (hoăc nội bộ) để thay đổi mục tiêu.

* **Chuyển giao**

Giam thiểu rủi ro bằng cách chia sẻ tác hại khi chúng xay ra. Chẳng hạn:

+ Đề nghị với khách hàng chấp nhận và chia sẻ rủi ro (tăng thời gian, chi phí...)

+ Báo cáo ban lãnh đạo để chấp nhận tác động và chi phí đối phó rủi ro

+ Mua bao hiểm để chia sẻ chi phí khi rủi ro xay ra. **• Giảm nhẹ**

Thực thi các biện pháp để giam thiểu kha năng xay ra rủi ro hoăc giam thiểu tác động và chi phí khắc phục rủi ro nếu nó xay ra. Chẳng hạn: + Canh báo và triệt tiêu các yếu tố làm cho rủi ro xuất hiện

+ Điều chỉnh các yếu tố có liên quan theo dây chuyền để rủi ro xay ra sẽ ít có tác động

* **Chấp nhận**

Đành chấp nhận “sống chung” với rủi ro trong trường hợp chi phí loại bo, phòng tránh, làm nhẹ rủi ro quá lớn (lớn hơn chi phí khắc phục tác hại), hoăc tác hại của rủi ro nếu xay ra là nho hay cực kỳ thấp. Kế hoạch đối phó có thể là:

+ Thu thập hoăc mua thông tin để có kế hoạch kiểm soát tốt hơn

+ Lập kế hoạch khắc phục tác hại khi rủi ro xay ra.

# **TÀI LIỆU THAM KHỎA**